

Số: 1096/QĐ-ĐHHĐ

Thanh Hoá, ngày 28 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp đại học,
cao đẳng hệ chính quy đợt 2 (bổ sung lần 2) năm 2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-HĐT ngày 24/6/2020 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012);

Căn cứ Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Hồng Đức (ban hành theo Quyết định số 234/QĐ-ĐHHĐ ngày 26/02/2013 và Quyết định số 2042/QĐ-ĐHHĐ ngày 05/11/2014);

Căn cứ Quyết định số 520/QĐ-ĐHHĐ ngày 25/5/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc thành lập Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp hệ chính quy đợt 2 năm 2020;

Căn cứ kết quả học tập toàn khóa của sinh viên và Biên bản của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp họp vào ngày 28 tháng 7 năm 2020;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Quản lý đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng hệ chính quy đợt 2 (bổ sung lần 2) năm 2020 cho 332 sinh viên: trong đó có 01 kỹ sư, 311 cử nhân đại học và 20 cử nhân cao đẳng (có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký;

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Công tác HSSV, trưởng các khoa có sinh viên tốt nghiệp, các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (Đề báo cáo);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.





DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP ĐỢT 2 (BỔ SUNG LẦN 2) NĂM 2020
(Kèm theo Quyết định số 1096/QĐ-ĐHHĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020
của Hiệu trưởng trường Đại học Hồng Đức)

STT TN	STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Tên lớp	Điểm TBCKT	Xếp loại TN
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Công nghệ thông tin									
1	1	1661030007	Trương Việt Anh	Nam	06.03.1998	Thanh Hóa	166103A	2.31	Trung bình
2	2	1661030012	Lữ Trọng Chung	Nam	10.04.1998	Thanh Hóa	166103A	2.19	Trung bình
3	3	1661030046	Phạm Hữu Trung	Nam	13.10.1998	Thanh Hóa	166103A	2.25	Trung bình
4	4	1661030047	Bouavanh Bounmala	Nữ	05.09.1996	CHDCND Lào	166103A	2.34	Trung bình
Bậc: Đại học Cấp bằng: Kỹ sư Kỹ thuật điện - Điện tử									
5	1	1562030007	Lê Minh Đức	Nam	30.03.1997	Thanh Hóa	156203A	2.37	Trung bình
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Kế toán									
6	1	1164010001	Trần Trọng An	Nam	22.05.1991	Thanh Hóa	116401A	2.46	Trung bình
7	2	1664010057	Yang Vang	Nữ	04.05.1995	CHDCND Lào	166401A	2.11	Trung bình
8	3	1664010068	Trần Thị Thu Hiền	Nữ	04.04.1998	Thanh Hóa	166401B	2.29	Trung bình
9	4	1664010070	Vũ Thị Hòa	Nữ	04.03.1998	Thanh Hóa	166401B	2.51	Khá
10	5	1764010075	Nguyễn Thị Ánh	Nữ	10.05.1999	Thanh Hóa	176401B	2.85	Khá
11	6	1764010078	Bùi Thị Ánh Dung	Nữ	01.09.1997	Thanh Hóa	176401B	3.28	Giỏi
12	7	1764010118	Lê Thị Thúy	Nữ	17.04.1999	Thanh Hóa	176401B	3.00	Khá
13	8	1764010127	Nguyễn Thị Trinh	Nữ	02.06.1999	Thanh Hóa	176401B	2.97	Khá
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Kế toán (Ngành 2)									
14	1	1784010007	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	12.11.1997	Thanh Hóa	178401A	2.50	Khá
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Quản trị kinh doanh									
15	1	1664020015	Lê Thị Hiếu	Nữ	19.08.1998	Thanh Hóa	166402A	2.52	Khá
16	2	1664020062	Đỗ Tuấn Anh	Nam	19.10.1995	Thanh Hóa	166402A	2.13	Trung bình
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Tài chính - Ngân hàng									
17	1	1464030043	Lê Trúc Quỳnh	Nữ	25.11.1996	Thanh Hóa	146403A	2.48	Trung bình
18	2	1564030004	Thịnh Hoàng Anh	Nam	10.11.1997	Thanh Hóa	156403A	2.00	Trung bình
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Sư phạm Ngữ văn									
19	1	1466010039	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	08.11.1996	Thanh Hóa	146601A	2.52	Khá
20	2	1566010014	Trịnh Thị Hà	Nữ	26.03.1997	Thanh Hóa	156601A	2.46	Trung bình
21	3	1566010050	Hoàng Thị Ước	Nữ	10.10.1996	Thanh Hóa	156601A	2.47	Trung bình

STT TN	STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Tên lớp	Điểm TBCKT	Xếp loại TN
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Việt Nam học (Định hướng Quản lý Du lịch - Khách sạn)									
22	1	1566060035	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	09.08.1997	Thanh Hóa	156606A	2.55	Khá
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Địa lý học (Định hướng Địa chính)									
23	1	1566070001	Phạm Bá Anh	Nam	04.03.1990	Thanh Hóa	156607A	2.81	Khá
24	2	1566070013	Vì Thị Phuong	Nữ	23.08.1997	Thanh Hóa	156607A	2.43	Trung bình
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Xã hội học (Định hướng Công tác xã hội)									
25	1	1566080002	Nguyễn Sỹ Ánh	Nam	25.09.1995	Thanh Hóa	156608A	2.52	Khá
26	2	1666080020	Sisomvang Souvantha	Nam	26.06.1992	CHDCND Lào	166608A	2.02	Trung bình
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh									
27	1	1667010003	Mai Thùy Dương	Nữ	04.10.1998	Thanh Hóa	166701A	2.75	Khá
28	2	1667010051	Lê Thu Phương	Nữ	13.04.1998	Thanh Hóa	166701A	3.12	Khá
29	3	1667010052	Lê Thị Út	Nữ	24.02.1996	Thanh Hóa	166701A	2.93	Khá
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Luật									
30	1	1568010027	Phạm Thị Huyền	Nữ	16.12.1997	Thanh Hóa	156801B	2.96	Khá
31	2	1668010004	Trịnh Việt Anh	Nam	16.03.1998	Thanh Hóa	166801A	2.20	Trung bình
32	3	1668010005	Lê Văn Bắc	Nam	15.10.1998	Thanh Hóa	166801A	2.48	Trung bình
33	4	1668010015	Đồng Văn Hiền	Nam	15.02.1997	Thanh Hóa	166801A	2.26	Trung bình
34	5	1668010018	Lò Văn Hoàn	Nam	12.02.1997	Thanh Hóa	166801A	2.16	Trung bình
35	6	1668010022	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	31.05.1997	Thanh Hóa	166801A	2.22	Trung bình
36	7	1668010032	Tổng Thị Mai	Nữ	24.04.1998	Thanh Hóa	166801A	2.34	Trung bình
37	8	1668010044	Lê Thị Thương	Nữ	19.09.1998	Thanh Hóa	166801A	2.51	Khá
38	9	1668010046	Vì Thị Trang	Nữ	18.04.1998	Thanh Hóa	166801A	2.85	Khá
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Giáo dục Tiểu học									
39	1	1669000001	Bùi Ngọc Ánh	Nữ	19.09.1998	Thanh Hóa	166900A	3.21	Giỏi
40	2	1669000003	Phạm Thị Chinh	Nữ	11.10.1998	Thanh Hóa	166900A	2.67	Khá
41	3	1669000004	Vì Thị Dân	Nữ	05.11.1997	Thanh Hóa	166900A	2.67	Khá
42	4	1669000005	Hà Thị Dịu	Nữ	27.07.1998	Thanh Hóa	166900A	2.85	Khá
43	5	1669000006	Lê Thùy Dương	Nữ	28.11.1997	Thanh Hóa	166900A	3.01	Khá
44	6	1669000007	Lê Thị Giang	Nữ	02.10.1998	Thanh Hóa	166900A	3.27	Giỏi
45	7	1669000008	Nguyễn Thị Thu Giang	Nữ	21.05.1998	Thanh Hóa	166900A	3.04	Khá
46	8	1669000009	Hoàng Thị Thu Hà	Nữ	14.02.1997	Thanh Hóa	166900A	2.99	Khá
47	9	1669000011	Trần Thị Hồng	Nữ	26.08.1997	Thanh Hóa	166900A	3.49	Giỏi
48	10	1669000013	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	01.01.1998	Thanh Hóa	166900A	3.01	Khá
49	11	1669000014	Nguyễn Thị Hương	Nữ	02.08.1998	Thanh Hóa	166900A	3.02	Khá
50	12	1669000016	Lê Thị Kim	Nữ	27.07.1997	Thanh Hóa	166900A	2.99	Khá
51	13	1669000017	Trương Thị Khuê	Nữ	08.10.1992	Thanh Hóa	166900A	3.31	Giỏi

STT TN	STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Tên lớp	Điểm TBCKT	Xếp loại TN
52	14	1669000018	Lê Thị Lan	Nữ	06.09.1998	Thanh Hóa	166900A	2.74	Khá
53	15	1669000019	Hà Thị Lê	Nữ	24.01.1997	Thanh Hóa	166900A	2.85	Khá
54	16	1669000020	Bùi Thị Linh	Nữ	06.03.1998	Thanh Hóa	166900A	2.91	Khá
55	17	1669000021	Lê Thùy Linh	Nữ	16.08.1997	Thanh Hóa	166900A	2.73	Khá
56	18	1669000022	Nguyễn Thị Linh	Nữ	08.03.1998	Thanh Hóa	166900A	2.80	Khá
57	19	1669000023	Bùi Thị Luyến	Nữ	25.07.1998	Thanh Hóa	166900A	2.84	Khá
58	20	1669000024	Hà Thị Phương Ly	Nữ	01.03.1996	Thanh Hóa	166900A	2.80	Khá
59	21	1669000026	Ngân Thị Minh	Nữ	08.06.1997	Thanh Hóa	166900A	2.98	Khá
60	22	1669000027	Vũ Văn Nam	Nam	10.09.1997	Thanh Hóa	166900A	2.90	Khá
61	23	1669000028	Trịnh Hồng Nga	Nữ	16.09.1998	Thanh Hóa	166900A	2.93	Khá
62	24	1669000029	Tổng Hương Nguyên	Nữ	02.09.1998	Thanh Hóa	166900A	2.88	Khá
63	25	1669000030	Lục Thị Ánh Nguyệt	Nữ	27.07.1997	Thanh Hóa	166900A	2.90	Khá
64	26	1669000031	Hà Thị Nhân	Nữ	25.05.1998	Thanh Hóa	166900A	2.98	Khá
65	27	1669000032	Cao Thị Nhung	Nữ	25.07.1997	Thanh Hóa	166900A	2.87	Khá
66	28	1669000033	Mai Thị Nhung	Nữ	20.01.1998	Thanh Hóa	166900A	2.84	Khá
67	29	1669000034	Cao Thị Quyen	Nữ	03.08.1998	Thanh Hóa	166900A	2.69	Khá
68	30	1669000035	Lương Thị Ngọc Quỳnh	Nữ	25.06.1998	Thanh Hóa	166900A	2.98	Khá
69	31	1669000037	Lê Thị Thủy Tiên	Nữ	09.11.1998	Thanh Hóa	166900A	3.00	Khá
70	32	1669000038	Lê Thị Tới	Nữ	10.10.1997	Thanh Hóa	166900A	2.78	Khá
71	33	1669000039	Đàm Phương Thảo	Nữ	03.03.1998	Thanh Hóa	166900A	2.98	Khá
72	34	1669000042	Lê Thị Hoài Thu	Nữ	17.08.1998	Thanh Hóa	166900A	2.72	Khá
73	35	1669000043	Hoàng Thị Thủy	Nữ	15.05.1998	Thanh Hóa	166900A	2.80	Khá
74	36	1669000044	Lường Thị Thúy	Nữ	22.10.1998	Thanh Hóa	166900A	2.86	Khá
75	37	1669000045	Nguyễn Anh Trang	Nữ	22.02.1997	Thanh Hóa	166900A	3.33	Giỏi
76	38	1669000047	Nguyễn Thị Trang	Nữ	27.07.1998	Thanh Hóa	166900A	3.37	Giỏi
77	39	1669000048	Đào Lê Huyền Trâm	Nữ	25.09.1998	Thanh Hóa	166900A	2.86	Khá
78	40	1669000050	Phạm Thị Hải Yến	Nữ	12.05.1998	Thanh Hóa	166900A	3.35	Giỏi
79	41	1669000051	Nguyễn Ngọc Ánh	Nữ	05.04.1998	Thanh Hóa	166900B	3.07	Khá
80	42	1669000053	Nguyễn Đình Chính	Nam	25.09.1997	Thanh Hóa	166900B	2.58	Khá
81	43	1669000054	Sung Chông Đế	Nam	18.02.1997	Thanh Hóa	166900B	2.27	Trung bình
82	44	1669000055	Bùi Thị Dung	Nữ	07.08.1998	Thanh Hóa	166900B	2.77	Khá
83	45	1669000057	Nguyễn Huyền Giang	Nữ	16.05.1998	Thanh Hóa	166900B	3.17	Khá
84	46	1669000059	Trần Văn Hải	Nam	26.06.1997	Thanh Hóa	166900B	2.63	Khá
85	47	1669000060	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	12.03.1998	Thanh Hóa	166900B	3.45	Giỏi
86	48	1669000061	Cao Hoàng Huy	Nam	07.01.1998	Thanh Hóa	166900B	3.12	Khá

STT TN	STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Tên lớp	Điểm TBCKT	Xếp loại TN
87	49	1669000062	Vũ Thị Thu Huyền	Nữ	03.02.1998	Thanh Hóa	166900B	3.13	Khá
88	50	1669000064	Lê Thị Hường	Nữ	02.09.1998	Thanh Hóa	166900B	2.88	Khá
89	51	1669000066	Cầm Thị Khánh	Nữ	27.07.1997	Thanh Hóa	166900B	2.56	Khá
90	52	1669000067	Lê Thị Khuyên	Nữ	13.02.1997	Thanh Hóa	166900B	2.69	Khá
91	53	1669000068	Hà Thị Lê	Nữ	17.10.1997	Thanh Hóa	166900B	2.81	Khá
92	54	1669000069	Lê Thị Phương Linh	Nữ	03.12.1998	Thanh Hóa	166900B	3.42	Giỏi
93	55	1669000070	Ngân Thị Mai Linh	Nữ	20.08.1998	Thanh Hóa	166900B	2.87	Khá
94	56	1669000071	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Nữ	01.01.1998	Thanh Hóa	166900B	3.33	Giỏi
95	57	1669000072	Trần Thị Linh	Nữ	07.09.1998	Thanh Hóa	166900B	3.49	Giỏi
96	58	1669000073	Cao Thị Loan	Nữ	16.05.1997	Thanh Hóa	166900B	2.78	Khá
97	59	1669000074	Hà Thị Ly	Nữ	26.06.1998	Thanh Hóa	166900B	2.94	Khá
98	60	1669000076	Đàm Nguyễn Trà My	Nữ	10.10.1998	Thanh Hóa	166900B	3.76	Xuất sắc
99	61	1669000077	Lê Thị Nga	Nữ	22.03.1998	Thanh Hóa	166900B	2.96	Khá
100	62	1669000078	Vũ Thị Thu Ngọc	Nữ	16.12.1997	Thanh Hóa	166900B	2.77	Khá
101	63	1669000079	Lê Thị Nguyệt	Nữ	05.10.1997	Thanh Hóa	166900B	2.87	Khá
102	64	1669000080	Phạm Thị Bích Nguyệt	Nữ	19.09.1998	Thanh Hóa	166900B	3.17	Khá
103	65	1669000081	Lò Thị Hồng Nhung	Nữ	25.07.1997	Thanh Hóa	166900B	2.74	Khá
104	66	1669000082	Lương Thị Oanh	Nữ	23.03.1994	Thanh Hóa	166900B	2.72	Khá
105	67	1669000083	Nguyễn Thị Quyên	Nữ	22.03.1998	Thanh Hóa	166900B	3.15	Khá
106	68	1669000085	Lê Thị Tâm	Nữ	10.07.1998	Thanh Hóa	166900B	3.45	Giỏi
107	69	1669000086	Phan Thị Tâm	Nữ	01.09.1998	Quảng Bình	166900B	2.89	Khá
108	70	1669000088	Vũ Thị Tú	Nữ	16.07.1998	Đắk Lắk	166900B	2.81	Khá
109	71	1669000089	Nguyễn Thị Phương Tuyền	Nữ	02.07.1997	Thanh Hóa	166900B	3.17	Khá
110	72	1669000090	Lê Thị Thảo	Nữ	25.02.1998	Thanh Hóa	166900B	2.81	Khá
111	73	1669000091	Nguyễn Hoa Thiên	Nữ	13.03.1998	Thanh Hóa	166900B	3.22	Giỏi
112	74	1669000092	Hà Thị Thu Thủy	Nữ	04.05.1995	Thanh Hóa	166900B	2.60	Khá
113	75	1669000093	Đồng Thị Trang	Nữ	20.06.1998	Thanh Hóa	166900B	2.74	Khá
114	76	1669000096	Nguyễn Quỳnh Trang	Nữ	20.06.1998	Thanh Hóa	166900B	3.03	Khá
115	77	1669000097	Nguyễn Thị Kiều Trang	Nữ	04.02.1998	Thanh Hóa	166900B	3.21	Giỏi
116	78	1669000098	Trần Thị Huyền Trang	Nữ	02.06.1998	Thanh Hóa	166900B	3.01	Khá
117	79	1669000100	Vì Thị Phụng	Nữ	04.09.1997	Thanh Hóa	166900B	2.60	Khá
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Giáo dục Mầm non									
118	1	1669010002	Nguyễn Thị Anh	Nữ	11.05.1998	Thanh Hóa	166901A	3.01	Khá
119	2	1669010003	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Nữ	26.10.1998	Thanh Hóa	166901A	3.12	Khá
120	3	1669010004	Vũ Thị Anh	Nữ	22.05.1998	Thanh Hóa	166901A	2.87	Khá

STT TN	STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Tên lớp	Điểm TBCKT	Xếp loại TN
121	4	1669010005	Lê Thị Ánh	Nữ	11.10.1998	Thanh Hóa	166901A	2.95	Khá
122	5	1669010006	Lê Thị Kim Cúc	Nữ	17.08.1998	Thanh Hóa	166901A	2.93	Khá
123	6	1669010007	Trình Thị Dâng	Nữ	01.10.1996	Thanh Hóa	166901A	3.10	Khá
124	7	1669010008	Hoàng Thị Dung	Nữ	02.09.1998	Thanh Hóa	166901A	2.87	Khá
125	8	1669010009	Đỗ Thị Duyên	Nữ	06.04.1998	Thanh Hóa	166901A	3.46	Giỏi
126	9	1669010010	Bùi Thị Đào	Nữ	31.10.1996	Thanh Hóa	166901A	3.11	Khá
127	10	1669010012	Lê Việt Hà	Nữ	22.05.1997	Thanh Hóa	166901A	2.93	Khá
128	11	1669010013	Trần Thị Thu Hà	Nữ	13.12.1998	Thanh Hóa	166901A	3.29	Giỏi
129	12	1669010015	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Nữ	28.10.1998	Thanh Hóa	166901A	3.54	Giỏi
130	13	1669010016	Trịnh Minh Hằng	Nữ	09.03.1998	Thanh Hóa	166901A	3.61	Xuất sắc
131	14	1669010018	Nguyễn Thị Hiếu	Nữ	24.05.1998	Thanh Hóa	166901A	2.93	Khá
132	15	1669010019	Nguyễn Thị Hoàn	Nữ	16.01.1998	Thanh Hóa	166901A	3.38	Giỏi
133	16	1669010021	Hà Thị Ngọc Huyền	Nữ	20.03.1998	Thanh Hóa	166901A	3.23	Giỏi
134	17	1669010022	Phạm Thị Huyền	Nữ	19.11.1998	Thanh Hóa	166901A	3.13	Khá
135	18	1669010024	Bùi Thị Hường	Nữ	19.11.1998	Thanh Hóa	166901A	3.16	Khá
136	19	1669010026	Đặng Hương Liên	Nữ	22.12.1998	Thanh Hóa	166901A	3.15	Khá
137	20	1669010027	Nguyễn Thị Linh	Nữ	19.08.1998	Thanh Hóa	166901A	2.89	Khá
138	21	1669010028	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	19.02.1998	Thanh Hóa	166901A	2.82	Khá
139	22	1669010029	Phạm Thị Loan	Nữ	28.01.1998	Thanh Hóa	166901A	2.98	Khá
140	23	1669010030	Nguyễn Thị Mai	Nữ	06.10.1998	Thanh Hóa	166901A	3.07	Khá
141	24	1669010032	Nguyễn Quỳnh Nga	Nữ	29.10.1998	Thanh Hóa	166901A	3.31	Giỏi
142	25	1669010033	Phùng Thị Nga	Nữ	15.12.1997	Thanh Hóa	166901A	2.93	Khá
143	26	1669010034	Lê Thị Ngân	Nữ	04.09.1997	Thanh Hóa	166901A	2.98	Khá
144	27	1669010035	Trương Duyên Nguyễn	Nữ	10.11.1998	Thanh Hóa	166901A	3.10	Khá
145	28	1669010036	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	09.05.1998	Thanh Hóa	166901A	3.00	Khá
146	29	1669010038	Lê Thị Phương	Nữ	11.04.1998	Thanh Hóa	166901A	3.06	Khá
147	30	1669010039	Vũ Thị Phương	Nữ	07.06.1998	Thanh Hóa	166901A	3.14	Khá
148	31	1669010041	Lê Thị Quỳnh	Nữ	05.06.1998	Thanh Hóa	166901A	2.91	Khá
149	32	1669010042	Nguyễn Thị Sứ	Nữ	29.01.1998	Thanh Hóa	166901A	3.26	Giỏi
150	33	1669010043	Phạm Thủy Tiên	Nữ	01.09.1998	Thanh Hóa	166901A	2.93	Khá
151	34	1669010044	Lê Thị Ánh Tuyết	Nữ	12.08.1997	Thanh Hóa	166901A	2.79	Khá
152	35	1669010045	Hồ Thị Thảo	Nữ	10.06.1998	Thanh Hóa	166901A	3.20	Giỏi
153	36	1669010046	Lê Thị Thảo	Nữ	01.10.1998	Thanh Hóa	166901A	2.80	Khá
154	37	1669010047	Lê Thị Thu	Nữ	28.10.1998	Thanh Hóa	166901A	3.03	Khá
155	38	1669010048	Nguyễn Thị Thu	Nữ	24.08.1998	Thanh Hóa	166901A	3.04	Khá

STT TN	STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Tên lớp	Điểm TBCTK	Xếp loại TN
156	39	1669010049	Hà Thị Thúy	Nữ	30.12.1998	Thanh Hóa	166901A	2.89	Khá
157	40	1669010050	Nguyễn Thị Thúy	Nữ	21.01.1998	Thanh Hóa	166901A	2.96	Khá
158	41	1669010051	Trương Thị Minh Thường	Nữ	22.08.1998	Thanh Hóa	166901A	3.16	Khá
159	42	1669010052	Đỗ Thị Thu Trang	Nữ	19.03.1998	Thanh Hóa	166901A	3.16	Khá
160	43	1669010054	Phạm Thị Trang	Nữ	23.02.1998	Thanh Hóa	166901A	3.31	Giỏi
161	44	1669010055	Lê Thị Vân	Nữ	19.08.1998	Thanh Hóa	166901A	3.35	Giỏi
162	45	1669010086	Lương Thị Nghĩa	Nữ	03.02.1997	Thanh Hóa	166901A	2.89	Khá
163	46	1669010037	Phạm Thị Như	Nữ	22.06.1998	Thanh Hóa	166901B	3.22	Giỏi
164	47	1669010056	Hoàng Thị Nga	Nữ	01.01.1998	Thanh Hóa	166901B	3.02	Khá
165	48	1669010057	Lê Phương Anh	Nữ	22.04.1998	Thanh Hóa	166901B	2.99	Khá
166	49	1669010059	Lữ Thị Châm	Nữ	06.04.1997	Thanh Hóa	166901B	2.70	Khá
167	50	1669010060	Nguyễn Thị Chinh	Nữ	06.08.1998	Thanh Hóa	166901B	2.85	Khá
168	51	1669010061	Lê Thị Dinh	Nữ	26.11.1998	Thanh Hóa	166901B	3.30	Giỏi
169	52	1669010062	Hà Thị Dung	Nữ	18.03.1998	Thanh Hóa	166901B	2.85	Khá
170	53	1669010063	Trung Thị Duyên	Nữ	28.01.1998	Thanh Hóa	166901B	3.21	Giỏi
171	54	1669010064	Lê Thị Gấm	Nữ	12.03.1995	Thanh Hóa	166901B	3.27	Giỏi
172	55	1669010065	Bùi Thị Hải Hà	Nữ	14.09.1998	Thanh Hóa	166901B	3.15	Khá
173	56	1669010066	Hàn Thị Hà	Nữ	25.12.1998	Thanh Hóa	166901B	2.90	Khá
174	57	1669010067	Trịnh Thị Hào	Nữ	31.10.1998	Thanh Hóa	166901B	2.76	Khá
175	58	1669010068	Lê Thị Hằng	Nữ	08.07.1997	Thanh Hóa	166901B	3.06	Khá
176	59	1669010069	Trịnh Thị Hằng	Nữ	14.06.1998	Thanh Hóa	166901B	3.07	Khá
177	60	1669010070	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	20.05.1998	Thanh Hóa	166901B	2.99	Khá
178	61	1669010071	Đỗ Thị Hoa	Nữ	24.11.1998	Thanh Hóa	166901B	2.99	Khá
179	62	1669010072	Nguyễn Thị Phương Hoa	Nữ	25.10.1998	Thanh Hóa	166901B	2.85	Khá
180	63	1669010073	Lê Thu Hồng	Nữ	01.10.1998	Thanh Hóa	166901B	2.64	Khá
181	64	1669010074	Đinh Thị Huệ	Nữ	03.11.1998	Thanh Hóa	166901B	3.05	Khá
182	65	1669010075	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	01.01.1998	Thanh Hóa	166901B	2.98	Khá
183	66	1669010076	Nguyễn Thị Hương	Nữ	06.12.1998	Thanh Hóa	166901B	3.04	Khá
184	67	1669010077	Trương Quỳnh Hương	Nữ	16.10.1998	Thanh Hóa	166901B	2.83	Khá
185	68	1669010078	Nguyễn Thị Hương	Nữ	15.02.1998	Thanh Hóa	166901B	2.82	Khá
186	69	1669010079	Hà Thị Lan	Nữ	05.04.1998	Thanh Hóa	166901B	2.93	Khá
187	70	1669010080	Đặng Thị Liên	Nữ	09.09.1998	Thanh Hóa	166901B	2.77	Khá
188	71	1669010081	Lê Thị Linh	Nữ	23.07.1998	Thanh Hóa	166901B	2.90	Khá
189	72	1669010082	Lục Thị Linh	Nữ	26.06.1998	Thanh Hóa	166901B	2.99	Khá
190	73	1669010083	Đỗ Cẩm Ly	Nữ	19.12.1998	Thanh Hóa	166901B	3.46	Giỏi

STT TN	STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Tên lớp	Điểm TBCTK	Xếp loại TN
191	74	1669010084	Mai Thị My	Nữ	25.09.1998	Thanh Hóa	166901B	2.82	Khá
192	75	1669010085	Nguyễn Hằng Nga	Nữ	29.04.1998	Thanh Hóa	166901B	3.14	Khá
193	76	1669010087	Vũ Bảo Yến	Nữ	20.12.1997	Thanh Hóa	166901B	2.83	Khá
194	77	1669010088	Đậu Thị Nguyệt	Nữ	06.12.1998	Thanh Hóa	166901B	3.05	Khá
195	78	1669010089	Lại Thị Yến Nhi	Nữ	18.12.1998	Thanh Hóa	166901B	3.09	Khá
196	79	1669010090	Lê Thị Nhung	Nữ	25.10.1997	Thanh Hóa	166901B	3.11	Khá
197	80	1669010091	Trịnh Thị Như	Nữ	30.11.1998	Thanh Hóa	166901B	2.95	Khá
198	81	1669010092	Nguyễn Thị Phương	Nữ	08.07.1998	Thanh Hóa	166901B	2.98	Khá
199	82	1669010094	Phạm Thị Quyên	Nữ	11.01.1998	Thanh Hóa	166901B	3.04	Khá
200	83	1669010095	Nguyễn Thị Quỳnh	Nữ	26.08.1998	Thanh Hóa	166901B	3.28	Giỏi
201	84	1669010096	Trần Thị Tâm	Nữ	20.12.1998	Thanh Hóa	166901B	3.30	Giỏi
202	85	1669010099	Phạm Thu Thảo	Nữ	13.10.1998	Thanh Hóa	166901B	2.86	Khá
203	86	1669010100	Phạm Thị Thu	Nữ	14.08.1998	Thanh Hóa	166901B	2.89	Khá
204	87	1669010101	Trịnh Thị Thu	Nữ	05.08.1998	Thanh Hóa	166901B	2.80	Khá
205	88	1669010102	Hà Thị Thúy	Nữ	28.08.1998	Thanh Hóa	166901B	2.80	Khá
206	89	1669010103	Mai Thị Thúy	Nữ	09.11.1997	Thanh Hóa	166901B	2.91	Khá
207	90	1669010104	Phạm Thị Thúy	Nữ	30.04.1997	Thanh Hóa	166901B	2.84	Khá
208	91	1669010105	Bùi Thu Trang	Nữ	03.09.1998	Thanh Hóa	166901B	3.03	Khá
209	92	1669010106	Lưu Thị Trang	Nữ	13.08.1998	Thanh Hóa	166901B	2.96	Khá
210	93	1669010107	Trịnh Thị Trang	Nữ	30.09.1998	Thanh Hóa	166901B	3.10	Khá
211	94	1669010109	Nguyễn Thị Vui	Nữ	26.05.1998	Thanh Hóa	166901B	3.23	Giỏi
212	95	1669010110	Đỗ Thị Hà Yên	Nữ	26.11.1998	Thanh Hóa	166901B	3.63	Xuất sắc
213	96	1669010127	Vì Thị Hiền	Nữ	27.05.1997	Thanh Hóa	166901B	3.11	Khá
214	97	1669010143	Lương Thị Nguy	Nữ	16.04.1992	Thanh Hóa	166901B	2.88	Khá
215	98	1669010207	Nguyễn Thị Tâm	Nữ	20.08.1998	Thanh Hóa	166901B	2.86	Khá
216	99	1669010025	Đoàn Thị Lan	Nữ	05.05.1998	Thanh Hóa	166901C	3.52	Giỏi
217	100	1669010111	Nguyễn Thị Anh	Nữ	12.12.1998	Thanh Hóa	166901C	2.87	Khá
218	101	1669010113	Bùi Thị Ngọc Ánh	Nữ	25.11.1997	Thanh Hóa	166901C	3.11	Khá
219	102	1669010114	Hoàng Thị Ánh	Nữ	19.02.1998	Thanh Hóa	166901C	3.09	Khá
220	103	1669010116	Kiều Thị Chinh	Nữ	08.09.1997	Thanh Hóa	166901C	2.95	Khá
221	104	1669010117	Trịnh Thị Chung	Nữ	30.07.1998	Thanh Hóa	166901C	3.11	Khá
222	105	1669010118	Lê Thị Dung	Nữ	07.05.1998	Thanh Hóa	166901C	3.38	Giỏi
223	106	1669010119	Lê Thị Duyên	Nữ	13.09.1998	Thanh Hóa	166901C	2.95	Khá
224	107	1669010120	Vũ Thị Duyên	Nữ	09.01.1998	Thanh Hóa	166901C	3.16	Khá
225	108	1669010121	Bùi Thị Hà	Nữ	06.07.1997	Thanh Hóa	166901C	2.81	Khá

STT TN	STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Tên lớp	Điểm TBCTK	Xếp loại TN
226	109	1669010122	Nguyễn Thị Hà	Nữ	01.03.1997	Thanh Hóa	166901C	2.93	Khá
227	110	1669010123	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	12.09.1998	Thanh Hóa	166901C	3.25	Giỏi
228	111	1669010125	Lê Thị Minh Hằng	Nữ	20.11.1998	Thanh Hóa	166901C	2.96	Khá
229	112	1669010126	Lê Thị Hiền	Nữ	02.05.1998	Thanh Hóa	166901C	3.20	Giỏi
230	113	1669010128	Trương Thị Hồng	Nữ	12.10.1998	Thanh Hóa	166901C	3.02	Khá
231	114	1669010129	Lò Thị Huệ	Nữ	02.07.1998	Thanh Hóa	166901C	3.30	Giỏi
232	115	1669010130	Vì Thị Ngân Huệ	Nữ	30.07.1996	Thanh Hóa	166901C	2.99	Khá
233	116	1669010131	Phạm Thị Huyền	Nữ	13.03.1998	Thanh Hóa	166901C	2.99	Khá
234	117	1669010132	Lương Thị Mai Hương	Nữ	25.12.1998	Thanh Hóa	166901C	3.26	Giỏi
235	118	1669010133	Nguyễn Thị Hương	Nữ	09.12.1998	Thanh Hóa	166901C	2.98	Khá
236	119	1669010134	Phạm Thị Khánh	Nữ	02.09.1998	Thanh Hóa	166901C	3.55	Giỏi
237	120	1669010135	Đoàn Thị Linh	Nữ	26.06.1998	Thanh Hóa	166901C	3.04	Khá
238	121	1669010136	Lê Thị Thùy Linh	Nữ	17.02.1998	Thanh Hóa	166901C	3.09	Khá
239	122	1669010137	Nguyễn Thảo Linh	Nữ	12.10.1998	Thanh Hóa	166901C	2.74	Khá
240	123	1669010138	Nguyễn Thị Mơ	Nữ	18.05.1996	Thanh Hóa	166901C	3.09	Khá
241	124	1669010139	Phạm Thị Ninh	Nữ	10.10.1998	Thanh Hóa	166901C	3.27	Giỏi
242	125	1669010140	Lê Thị Nga	Nữ	18.02.1997	Thanh Hóa	166901C	2.86	Khá
243	126	1669010141	Mai Thị Nga	Nữ	12.07.1998	Thanh Hóa	166901C	2.87	Khá
244	127	1669010142	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	26.06.1998	Thanh Hóa	166901C	3.04	Khá
245	128	1669010144	Đoàn Như Nguyệt	Nữ	05.11.1998	Thanh Hóa	166901C	3.46	Giỏi
246	129	1669010145	Lê Thị Hồng Nhung	Nữ	16.11.1998	Thanh Hóa	166901C	3.41	Giỏi
247	130	1669010146	Vũ Thị Hồng Nhung	Nữ	07.10.1998	Thanh Hóa	166901C	3.13	Khá
248	131	1669010147	Lê Thị Oanh	Nữ	26.08.1998	Thanh Hóa	166901C	3.30	Giỏi
249	132	1669010148	Lê Thị Phương	Nữ	23.07.1998	Thanh Hóa	166901C	2.88	Khá
250	133	1669010149	Nguyễn Thị Thu Phương	Nữ	14.08.1997	Thanh Hóa	166901C	3.18	Khá
251	134	1669010150	Vì Thị Sang	Nữ	25.05.1998	Thanh Hóa	166901C	3.02	Khá
252	135	1669010151	Nguyễn Thị Tâm	Nữ	08.08.1998	Thanh Hóa	166901C	3.14	Khá
253	136	1669010152	Trịnh Thị Tú	Nữ	10.01.1998	Thanh Hóa	166901C	2.87	Khá
254	137	1669010153	Ngô Hồng Thanh	Nữ	16.07.1998	Thanh Hóa	166901C	3.23	Giỏi
255	138	1669010154	Cao Thị Thảo	Nữ	04.07.1998	Thanh Hóa	166901C	2.84	Khá
256	139	1669010155	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	16.05.1995	Thanh Hóa	166901C	3.39	Giỏi
257	140	1669010156	Nguyễn Thị Thu	Nữ	22.07.1998	Thanh Hóa	166901C	3.32	Giỏi
258	141	1669010158	Lê Thị Thúy	Nữ	03.11.1998	Thanh Hóa	166901C	2.97	Khá
259	142	1669010160	Đỗ Huyền Trang	Nữ	20.08.1998	Thanh Hóa	166901C	3.23	Giỏi
260	143	1669010161	Lưu Thị Quỳnh Trang	Nữ	10.01.1998	Thanh Hóa	166901C	2.95	Khá

STT TN	STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Tên lớp	Điểm TBCTK	Xếp loại TN
261	144	1669010162	Vũ Thị Trang	Nữ	06.08.1998	Thanh Hóa	166901C	3.12	Khá
262	145	1669010164	Lê Thị Trúc	Nữ	07.04.1998	Thanh Hóa	166901C	3.02	Khá
263	146	1669010165	Lê Thị Yến	Nữ	06.06.1998	Thanh Hóa	166901C	3.28	Giỏi
264	147	1669010199	Nguyễn Thị Nhân	Nữ	29.11.1997	Thanh Hóa	166901C	2.87	Khá
265	148	1669010166	Lê Thị Lan Anh	Nữ	04.06.1997	Thanh Hóa	166901D	2.98	Khá
266	149	1669010168	Trần Thị Ngọc Ánh	Nữ	17.11.1998	Thanh Hóa	166901D	3.00	Khá
267	150	1669010169	Lê Thị Cảnh	Nữ	19.05.1996	Thanh Hóa	166901D	3.21	Giỏi
268	151	1669010171	Mai Mỹ Duyên	Nữ	25.05.1998	Thanh Hóa	166901D	2.71	Khá
269	152	1669010173	Lê Thị Đào	Nữ	30.10.1998	Thanh Hóa	166901D	3.01	Khá
270	153	1669010174	Nguyễn Thị Giang	Nữ	13.09.1998	Thanh Hóa	166901D	3.06	Khá
271	154	1669010176	Nguyễn Thị Hà	Nữ	20.07.1998	Thanh Hóa	166901D	2.89	Khá
272	155	1669010177	Lê Thị Hạnh	Nữ	19.01.1998	Thanh Hóa	166901D	3.37	Giỏi
273	156	1669010178	Quách Thị Hằng	Nữ	05.05.1998	Thanh Hóa	166901D	3.11	Khá
274	157	1669010179	Trần Thị Hằng	Nữ	06.10.1998	Thanh Hóa	166901D	3.05	Khá
275	158	1669010180	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	11.08.1998	Thanh Hóa	166901D	2.98	Khá
276	159	1669010181	Lê Thị Ánh Hồng	Nữ	18.11.1998	Thanh Hóa	166901D	3.10	Khá
277	160	1669010182	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	01.05.1998	Thanh Hóa	166901D	2.87	Khá
278	161	1669010184	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nữ	25.05.1998	Thanh Hóa	166901D	3.06	Khá
279	162	1669010186	Dương Thị Hường	Nữ	10.08.1998	Thanh Hóa	166901D	3.07	Khá
280	163	1669010187	Nguyễn Thị Lan	Nữ	10.04.1998	Thanh Hóa	166901D	3.08	Khá
281	164	1669010188	Trình Thị Liên	Nữ	20.05.1998	Thanh Hóa	166901D	3.61	Xuất sắc
282	165	1669010189	Nguyễn Thị Linh	Nữ	26.10.1998	Thanh Hóa	166901D	3.22	Giỏi
283	166	1669010190	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Nữ	08.10.1998	Thanh Hóa	166901D	3.22	Giỏi
284	167	1669010191	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	10.04.1998	Thanh Hóa	166901D	3.61	Xuất sắc
285	168	1669010192	Trịnh Thị Mai	Nữ	12.05.1998	Thanh Hóa	166901D	3.02	Khá
286	169	1669010194	Lê Thanh Nga	Nữ	21.06.1998	Thanh Hóa	166901D	2.81	Khá
287	170	1669010195	Nguyễn Thị Nga	Nữ	09.09.1998	Thanh Hóa	166901D	3.28	Giỏi
288	171	1669010196	Phùng Thị Ngân	Nữ	06.10.1998	Thanh Hóa	166901D	2.90	Khá
289	172	1669010197	Hà Thị Nguyên	Nữ	05.02.1998	Thanh Hóa	166901D	3.13	Khá
290	173	1669010200	Luyện Thị Nhung	Nữ	17.05.1998	Thanh Hóa	166901D	2.91	Khá
291	174	1669010201	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	07.07.1998	Thanh Hóa	166901D	3.10	Khá
292	175	1669010203	Đinh Thị Phương	Nữ	09.04.1998	Thanh Hóa	166901D	2.88	Khá
293	176	1669010204	Bùi Thị Thúy Quỳnh	Nữ	24.09.1998	Thanh Hóa	166901D	3.16	Khá
294	177	1669010205	Tổng Thị Quỳnh	Nữ	27.07.1998	Thanh Hóa	166901D	3.24	Giỏi
295	178	1669010206	Trần Thị Sáu	Nữ	24.03.1998	Thanh Hóa	166901D	2.75	Khá

STT TN	STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Tên lớp	Điểm TBCTK	Xếp loại TN
296	179	1669010208	Hà Thị Tùng	Nữ	06.09.1997	Thanh Hóa	166901D	3.09	Khá
297	180	1669010209	Đỗ Thị Thảo	Nữ	03.08.1998	Thanh Hóa	166901D	3.23	Giỏi
298	181	1669010210	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	07.11.1998	Thanh Hóa	166901D	2.87	Khá
299	182	1669010211	Nguyễn Thị Thu	Nữ	08.09.1998	Thanh Hóa	166901D	3.51	Giỏi
300	183	1669010212	Lê Thị Thúy	Nữ	04.09.1998	Thanh Hóa	166901D	3.23	Giỏi
301	184	1669010215	Trần Hoài Thương	Nữ	05.02.1998	Thanh Hóa	166901D	3.39	Giỏi
302	185	1669010216	Bùi Thị Trang	Nữ	11.05.1998	Thanh Hóa	166901D	2.91	Khá
303	186	1669010217	Nguyễn Thị Trang	Nữ	17.09.1997	Thanh Hóa	166901D	3.10	Khá
304	187	1669010219	Lê Thị Vân	Nữ	20.11.1998	Thanh Hóa	166901D	3.04	Khá
305	188	1669010220	Vũ Thị Xuân	Nữ	22.04.1998	Thanh Hóa	166901D	2.98	Khá
306	189	1669010221	Hoàng Thị Ánh	Nữ	18.04.1998	Thanh Hóa	166901D	2.67	Khá

Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Giáo dục thể chất

307	1	1569020005	Nguyễn Thị Hương	Nữ	06.06.1996	Thanh Hóa	156902A	2.74	Khá
-----	---	------------	------------------	----	------------	-----------	---------	------	-----

Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Quản lý tài nguyên và môi trường

308	1	1669070038	Nguyễn Đức Tiến	Nam	24.05.1998	Thanh Hóa	166907A	2.51	Khá
309	2	1669070039	Dương Công Tùng	Nam	01.11.1998	Thanh Hóa	166907A	2.46	Trung bình

Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Quản lý tài nguyên và môi trường (Ngành 2)

310	1	1689070024	Lưu Ngọc Quân	Nam	12.07.1997	Thanh Hóa	168907A	2.89	Khá
311	2	1689070025	Lê Viết Tuấn	Nam	21.07.1997	Thanh Hóa	168907A	2.53	Khá
312	3	1689070029	Lê Văn Đông	Nam	24.11.1996	Thanh Hóa	168907A	2.93	Khá

Bậc: Cao đẳng Cấp bằng: Cử nhân Giáo dục Mầm non

313	1	176C680001	Luyện Ngọc Anh	Nữ	09.02.1997	Thanh Hóa	176C68A	3.31	Giỏi
314	2	176C680003	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	04.11.1999	Thanh Hóa	176C68A	3.04	Khá
315	3	176C680006	Nguyễn Thị Hà	Nữ	27.07.1998	Thanh Hóa	176C68A	3.34	Giỏi
316	4	176C680007	Ngô Thị Thu Hà	Nữ	18.02.1995	Thanh Hóa	176C68A	3.46	Giỏi
317	5	176C680008	Lê Thị Thu Hà	Nữ	19.09.1998	Thanh Hóa	176C68A	2.22	Trung bình
318	6	176C680009	Trần Thị Hà	Nữ	19.08.1999	Thanh Hóa	176C68A	2.86	Khá
319	7	176C680010	Trần Thị Hiền	Nữ	20.12.1999	Thanh Hóa	176C68A	3.16	Khá
320	8	176C680012	Lê Thị Hoài	Nữ	17.09.1998	Thanh Hóa	176C68A	3.43	Giỏi
321	9	176C680014	Lê Thị Huyền	Nữ	05.08.1999	Thanh Hóa	176C68A	2.82	Khá
322	10	176C680015	Nguyễn Thị Khánh Ly	Nữ	21.10.1998	Thanh Hóa	176C68A	2.80	Khá
323	11	176C680016	Nguyễn Thị Minh	Nữ	31.01.1998	Thanh Hóa	176C68A	2.75	Khá
324	12	176C680018	Lê Thị Nhung	Nữ	27.12.1999	Thanh Hóa	176C68A	2.88	Khá
325	13	176C680020	Vũ Thị Phương	Nữ	24.03.1997	Thanh Hóa	176C68A	2.58	Khá
326	14	176C680022	Trương Thị Phụng	Nữ	20.03.1999	Bình Thuận	176C68A	2.89	Khá

STT TN	STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Tên lớp	Điểm TBCK	Xếp loại TN
327	15	176C680025	Nguyễn Thị Thương	Nữ	10.03.1998	Thanh Hóa	176C68A	2.83	Khá
328	16	176C680028	Lê Thị Diệu	Nữ	20.11.1999	Thanh Hóa	176C68A	3.16	Khá
329	17	176C680029	Bùi Thị Thương	Nữ	16.09.1999	Thanh Hóa	176C68A	2.95	Khá
Bậc: Cao đẳng Cấp bằng: Cử nhân Giáo dục Tiểu học									
330	1	156C740013	Lò Ngân Huyền	Nữ	22.12.1997	Thanh Hóa	156C74A	2.51	Khá
331	2	176C740002	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	02.07.1996	Thanh Hóa	176C74A	2.84	Khá
Bậc: Cao đẳng Cấp bằng: Cử nhân Kế toán									
332	1	176C700041	Phùng Đình Tuấn	Nam	12.05.1999	Thanh Hóa	176C70A	2.03	Trung bình

Ấn định danh sách có 332 SV đại học và cao đẳng được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp;
 Trong đó: 05 xuất sắc; 63 giỏi, 239 khá và 25 trung bình



Hoàng Nam



100